

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M'ĐRẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2021/HSST
Ngày: 20-9-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK - TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Giang và ông Y Do Niê

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Xuân Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Bằng - Kiểm sát viên.

Ngày 20/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 25/2021/HSST, ngày 07 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2021/QĐXXST-HS, ngày 08 tháng 9 năm 2021, đối với bị cáo:

1/ Họ và tên: **Đoàn Văn T**, sinh năm 1986 tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thôn 5, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 01/12; Con ông Đoàn Chắt T, sinh năm 1947 và con bà Trần Thị L, sinh năm 1954. Bị cáo có vợ Hồ Thị L, sinh năm 1990 và 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2016. Tiền sự: Không.

Tiền án: 02 tiền án.

- Ngày 08/5/2019 bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 10 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự (Bản án hình sự sơ thẩm số 196/2019/HS-ST, ngày 08/5/2019).

- Ngày 04/7/2019 bị Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 10 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. (Bản án số 16/2019/HS-ST ngày 04/7/2019). Tổng hợp hình phạt chung của 02 bản án là 20 tháng tù.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 09/7/2021, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk. có mặt tại phiên tòa.

2/ Những người tham gia tố tụng khác:

2.1/ Bị hại:

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Tổ dân phố 3, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Ông Nguyễn Thanh E, sinh năm 1955. Nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1952. Nơi cư trú: Số 43 đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

+ Ông Vũ Ca V, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Tổ dân phố 7, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Đình Th, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Thôn 10, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

+ Ông Trần Đăng T, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Thôn 20, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đoàn Văn T là đối tượng nghiện ma túy, vào ngày 06/7/2021, T đến tổ dân phố 3, thị trấn M, huyện M phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Wave, biển số 47H2-0333 của bà Nguyễn Thị T dựng bên trong sân có cắm sẵn chìa khóa ở cốp sau của xe. T đi vào dắt xe ra đường, nổ máy điều khiển xe theo quốc lộ 26 đến huyện E, tỉnh Đắk Lắk tìm nơi tiêu thụ. T đồ xăng và phát hiện trong cốp xe có 01 giấy phép lái xe và 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị T, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn C. T điều khiển xe đến buôn T, xã E, huyện E vào cửa hàng sửa chữa xe máy ở bên đường và bán xe này cho ông Trần Đăng T được 2.550.000 đồng, T đưa giấy chứng nhận đăng ký xe cho ông T còn giấy phép lái xe và giấy chứng minh nhân dân thì T giữ lại. Sau khi bán xe, T bắt xe buýt quay trở lại huyện M, khi đi ngang qua tổ dân phố 3, T vứt lại giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe bên lề đường, cách nhà bà Nguyễn Thị T khoảng 100 mét nhằm để cho người mất tìm được, bà T đã nhặt lại được các giấy tờ trên.

Quá trình điều tra, T khai nhận ngày 03/7/2021, T đến tổ dân phố 7, thị trấn M, huyện M phát hiện bên lề đường có nhiều xe mô tô ở cạnh 01 ngôi nhà đang xây thấy xe mô tô nhãn hiệu Dream, biển số 47F6-8996 có cắm sẵn chìa khóa trên xe. T đến dắt xe ra và điều khiển đến thôn 10, xã E, huyện M, T thấy cửa hàng sửa chữa xe máy nên vào bán xe cho chủ cửa hàng là ông Nguyễn Đình Th được 1.100.000 đồng. T dùng để mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ: Xe mô tô biển số 47H2-0333, nhãn hiệu WAVE, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô đứng tên Nguyễn Văn C; giấy chứng minh nhân dân số 241696288 do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 16/6/2014 đứng tên Nguyễn Thị T; giấy phép lái xe số 661160006130 do Sở giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 05/6/2016 cho Nguyễn Thị T. Xe mô tô biển số 47F6-8996, nhãn hiệu DREAM, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô đứng tên Vũ Ca V.

Tại kết luận định giá tài sản số 160 ngày 04/7/2021 và Kết luận định giá tài sản số 168 ngày 10/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện M'Đrăk kết luận: Xe mô tô biển số 47H2-0333 có trị giá 4.000.000 đồng; xe mô tô biển số 47F6-8996 có trị giá 2.500.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 23/CT-VKS-HS, ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo Đoàn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Đoàn Văn T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát đã công bố, cũng như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đã đưa ra chứng cứ buộc tội và đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội do bị cáo Đoàn Văn T gây ra và giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Đoàn Văn T và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Đoàn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản". Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g, h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đoàn Văn T từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 09/7/2021.

Về xử lý vật chứng: Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M'Đrăk đã trả các xe mô tô và các giấy tờ liên quan cho các chủ sở hữu.

Tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận. Bị hại bà Nguyễn Thị T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật.

[2] Lời khai của bị cáo Đoàn Văn T tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: Do ý thức xem thường pháp luật, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản nên ngày 03/7/2021 tại tổ dân phố 7, thị trấn M, bị cáo T đã lén lút chiếm đoạt xe mô tô biển số 47F6-8996 của ông Nguyễn Thanh E trị giá 2.500.000 đồng và ngày 06/7/2021, tại tổ dân phố 3, thị trấn M, huyện M bị cáo T chiếm đoạt xe mô tô biển số 47H2-0333 của bà Nguyễn Thị T trị giá 4.000.000 đồng. Tổng trị giá các tài sản bị cáo chiếm đoạt là 6.500.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo Đoàn Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk truy tố về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

Tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:

"1/ Người nào trộm cắp tài sản của người khác giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các

trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

.....

[3] Xét tính chất vụ án, mức độ cũng như hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo phải biết quyền sở hữu tài sản hợp pháp được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác sẽ bị nghiêm trị. Nhưng với ý thức coi thường pháp luật, vì mục đích tư lợi cá nhân, bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của người khác. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần phải áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra thì mới có tác dụng giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[4.1] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Tài sản chiếm đoạt có giá trị không lớn, đã được thu hồi và trả lại cho bị hại. Ngoài hành vi phạm tội bị phát hiện vào ngày 07/6/2021, bị cáo đã tự khai nhận việc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 03/7/2021 nên được áp dụng tình tiết "người phạm tội tự thú". Tại phiên tòa, bị hại bà Nguyễn Thị T xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm h, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 02 (hai) tiền án về hành vi chiếm đoạt tài sản và chưa được xóa án tích. Đồng thời bị cáo thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản. Vì vậy, bị cáo phạm tội với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Tái phạm và phạm tội 02 lần trở lên" được quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Thanh E đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đình Th, ông Trần Đăng T không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã mua xe. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra xác định xe mô tô biển số 47H2-0333, giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thị T, giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn C là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Nguyễn Thị T. Xe mô tô biển số 47F6-8996 và giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Vũ Ca V là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Nguyễn Thanh E. Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk đã trả lại xe mô tô, các giấy tờ trên cho chủ sở hữu là đúng pháp luật, cần chấp nhận.

[7] Đối với ông Nguyễn Đình Th và ông Trần Đăng T là những người mua xe mô tô do bị cáo trộm cắp được của ông Nguyễn Thanh E và bà Nguyễn Thị T. Tuy nhiên, khi mua xe ông Th và ông T đều không biết đây là các tài sản do bị cáo phạm tội mà có. Vì vậy, không đề cập xử lý.

[8] Đối với số tiền 3.650.000 đồng do bị cáo bán hai xe mô tô biển số 47H2-0333 và 47F6-8996, số tiền này bị cáo đã sử dụng hết. Vì vậy, cần truy thu số tiền 3.650.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

[9] Về án phí: Bị cáo Đoàn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đoàn Văn T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.
2. Điều luật và mức hình phạt:
 - Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm h, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.
 - Xử phạt: Bị cáo Đoàn Văn T 01 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 09/7/2021.
3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M’Đrắk, tỉnh Đắk Lắk đã trả: Xe mô tô biển số 47H2-0333, giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe, giấy chứng nhận đăng ký xe cho bà Nguyễn Thị T; Xe mô tô biển số 47F6-8996, giấy chứng nhận đăng ký xe cho ông Nguyễn Thanh E.
4. Truy thu số tiền 3.650.000 đồng đối với bị cáo Đoàn Văn T để sung công quỹ Nhà nước.
5. Về án phí: Bị cáo Đoàn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.
6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M’Đrắk (02 bản);
- Phòng PV 27 – Công an tỉnh Đắk Lắk;
- T.H.A hình sự Công an huyện M’Đrắk;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện M’Đrắk;
- HSNV Công an huyện M’Đrắk;
- Chi cục T.H.A DS huyện M’Đrắk;
- Đương sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Phi Long

